TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-02-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Bá Quyền;

Ông Lê Quang Xẹt.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa*:** Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 498/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Nhơn S, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ A, khu phố K, phường Kh, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ A, khu phố K, phường Kh, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Nhơn S trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Nhơn S và bà Nguyễn Thị Thu T chung sống với nhau vào năm 1995, đến năm 2000 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Kh, huyện (nay là thị xã) T theo giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 4 ngày 03-8-2000. Trong cuộc sống thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân hơn 10 năm, nhận thấy tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông S yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu T.

Về con chung: Ông S và bà Tcó hai con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 16-01-1996 và Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 23-12-2000. các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng bà T không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân, căn cứ lời trình bày của ông S và kết quả xác minh của Tòa án thì có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông S và bà T là trầm trọng vì vợ chồng không còn sống chung hơn 10 năm nay nên yêu cầu ly hôn của ông S là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Nhơn S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn ông Nguyễn Nhơn S có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử

vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Nhơn S và và bà Nguyễn Thị Thu T chung sống với nhau vào năm 1995, đến năm 2000 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Kh, huyện (nay là thị xã) T theo giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 4 ngày 03-8-2000, là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, ông S và bà T không còn sống chung trên 10 năm nay, quá trình tố tụng tại Tòa án, bà T không đến Tòa án cho thấy bà T không thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, đồng thời ông S xác định không còn tình cảm và kiên quyết ly hôn, do vậy có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà Tkhông đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc nên ông S yêu cầu được ly hôn với bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Điều Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông S và bà T có 02 con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 16-01-1996 và Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 23-12-2000. Xét thấy, các con chung đã trưởng thành và đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Nhơn S phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nhơn S đối với bà Nguyễn Thị Thu T.

1.1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Nhơn S được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu T.

1.2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Nhơn S phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014573 ngày 03-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết